

Phụ lục

TIÊU CHÍ CỤ THỂ ĐÁNH GIÁ, XẾP LOẠI CHẤT LƯỢNG ĐỐI VỚI CƠ QUAN HÀNH CHÍNH NHÀ NƯỚC THUỘC PHẠM VI QUẢN LÝ CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH NINH BÌNH

(Kèm theo Quyết định số /2026/QĐ-UBND ngày tháng năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Bình)

STT	Tiêu chí cụ thể đánh giá, xếp loại	Thang điểm tối đa	Ghi chú
	TỔNG CỘNG	100	
I	TIÊU CHÍ CHUNG (tối đa 30 điểm)	30	
1	Chấp hành nghiêm đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; thực hiện sự chỉ đạo, điều hành của cấp trên; khả năng xây dựng và tổ chức thực hiện chiến lược, kế hoạch phát triển của đơn vị gắn với mục tiêu quốc gia, ngành, địa phương; năng lực nhận diện, dự báo xu hướng phát triển, chủ động thích ứng với thay đổi môi trường. (tối đa 10 điểm)	10	
1.1	Chấp hành nghiêm đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước	4	
1.2	Khả năng xây dựng và tổ chức thực hiện chiến lược, kế hoạch phát triển của đơn vị gắn với mục tiêu quốc gia, ngành, địa phương	3	
1.3	Năng lực nhận diện, dự báo xu hướng phát triển, chủ động thích ứng với thay đổi môi trường	3	
2	Hiệu quả trong việc quản lý, sử dụng công chức theo vị trí việc làm; xây dựng môi trường làm việc chuyên nghiệp, hiện đại, minh bạch, tạo điều kiện cho công chức phát huy năng lực; hiệu quả phối hợp công tác và xây dựng đoàn kết nội bộ; mức độ chấp hành kỷ luật, kỷ cương hành chính và tinh thần phục vụ của công chức. (tối đa 10 điểm)	10	
2.1	Hiệu quả trong việc quản lý, sử dụng công chức theo vị trí việc làm; xây dựng môi trường làm việc chuyên nghiệp, hiện đại, minh bạch, tạo điều kiện cho công chức phát huy năng lực	5	
2.2	Hiệu quả phối hợp công tác và xây dựng đoàn kết nội bộ; mức độ chấp hành kỷ luật, kỷ cương hành chính và tinh thần phục vụ của công chức	5	
3	Kết quả thực hiện các giải pháp cải cách hành chính, ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số trong hoạt động nội bộ và cung cấp dịch vụ công; mức độ thường xuyên rà soát, cải tiến các quy chế làm việc, quy trình nội bộ, đảm bảo hoạt động hiệu năng, hiệu lực; việc xây dựng và tổ chức thực hiện các biện pháp khắc phục những tồn tại, hạn chế về tổ chức, quản lý, quy trình nội bộ đã được chỉ ra qua đánh giá, kiểm tra, thanh tra, kiểm toán (nếu có) (tối đa 10 điểm)	10	
3.1	Kết quả thực hiện các giải pháp cải cách hành chính, ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số trong hoạt động nội bộ và cung cấp dịch vụ công	4	
3.2	Mức độ thường xuyên rà soát, cải tiến các quy chế làm việc, quy trình nội bộ, đảm bảo hoạt động hiệu năng, hiệu lực	3	
3.3	Việc xây dựng và tổ chức thực hiện các biện pháp khắc phục những tồn tại, hạn chế về tổ chức, quản lý, quy trình nội bộ đã được chỉ ra qua đánh giá, kiểm tra, thanh tra, kiểm toán	3	
II	TIÊU CHÍ VỀ KẾT QUẢ THỰC HIỆN NHIỆM VỤ (tối đa 70 điểm)	70	
1	Kết quả thể chế hóa chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước thành chiến lược, quy hoạch, kế hoạch, đề án, văn bản quy phạm pháp luật (tối đa 10 điểm)	10	
1.1	Ban hành các văn bản thể chế đầy đủ, đúng tiến độ, bảo đảm chất lượng 100%: được chấm tối đa 9 điểm, nếu dưới 100% thì tính điểm theo tỷ lệ: (Tỷ lệ hoàn thành hoàn thành x 9 điểm)/100%	9	
1.2	Nếu ban hành các văn bản thể chế đầy đủ, bảo đảm chất lượng, vượt tiến độ 30% trở lên thì được chấm tối đa 01 điểm. Vượt tiến độ dưới 30% thì tính điểm theo tỷ lệ : (Tỷ lệ vượt mức x 1 điểm)/30%	1	
1.3	Văn bản bị cấp có thẩm quyền phê bình hoặc chỉ ra sự thiếu sót trừ tối đa 03 điểm, cách tính như sau: (số văn bản bị cấp có thẩm quyền phê bình x 03 điểm) / Tổng số văn bản ban hành	-3	
2	Tỷ lệ hoàn thành các nhiệm vụ trong chương trình, kế hoạch công tác của năm và các nhiệm vụ phát sinh (tối đa 18 điểm), (trừ các nhiệm vụ giao thể chế hóa chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước thành chiến lược, quy hoạch, kế hoạch, đề án, văn bản quy phạm pháp luật tại mục 1)	18	
2.1	Hoàn thành 100% nhiệm vụ được giao, đúng thời hạn, đảm bảo chất lượng được chấm tối đa 16 điểm; nếu dưới 100% thì được tính theo tỷ lệ: (Tỷ lệ hoàn thành x 16 điểm)/100%	16	
2.2	Nếu hoàn thành nhiệm vụ được giao đầy đủ, đảm bảo chất lượng và vượt tiến độ 30% trở lên thì được chấm tối đa 02 điểm. Vượt tiến độ dưới 30% thì tính điểm theo tỷ lệ: (Tỷ lệ vượt mức x 2 điểm)/30%	2	
2,3	Nhiệm vụ bị cấp có thẩm quyền phê bình hoặc chỉ ra sự thiếu sót: trừ tối đa 04 điểm, cách tính như sau: (số nhiệm vụ bị cấp có thẩm quyền phê bình x 04 điểm)/tổng số nhiệm vụ được giao	-4	
3	Kết quả hoạt động quản lý, điều hành của tổ chức; tháo gỡ điểm nghẽn thể chế (nếu có); không để xảy ra sai phạm trong ban hành chính sách, văn bản. (tối đa 08 điểm)	8	
3.1	Công tác quản lý, điều hành hiệu quả; có giải pháp tháo gỡ khó khăn, vướng mắc; không có văn bản sai phạm: được chấm điểm tối đa là 8 điểm. Mỗi lượt để xảy ra sai phạm trong tham mưu, hoặc chậm xử lý những vướng mắc hoặc sai phạm, tùy mức độ để xác định điểm trừ: điểm trừ tối đa mỗi lượt sai phạm là 2 điểm (tổng số điểm trừ không vượt quá 08 điểm)	8	
4	Kết quả phối hợp với các cơ quan liên quan, điều phối chính sách liên ngành; có sáng kiến, mô hình điều phối được ghi nhận (nếu có). (tối đa 08 điểm)	8	
4.1	Phối hợp với các cơ quan liên quan, điều phối chính sách liên ngành hiệu quả, không để xảy ra chồng chéo, ách tắc công việc: được chấm tối đa 05 điểm. Mỗi lượt bị phản ánh chậm trễ, thiếu sót hoặc không phối hợp : bị trừ 0,2 điểm (tổng số điểm trừ không vượt quá 05 điểm)	5	
4.2	Có sáng kiến, mô hình điều được ghi nhận (mỗi sáng kiến, mô hình điều phối cấp cơ sở được ghi nhận, được tính 0,5 điểm; mỗi sáng kiến, mô hình điều phối cấp tỉnh trở lên được ghi nhận, được tính 1 điểm). Tổng điểm tại mục này tối đa được tính 03 điểm.	3	
5	Kết quả thực hiện chuyển đổi số, đơn giản hóa thủ tục hành chính, giảm thời gian, chi phí cho người dân, doanh nghiệp; có sáng kiến cụ thể áp dụng hiệu quả (nếu có). (tối đa 08 điểm)	8	
5.1	Hoàn thành 100% các chỉ tiêu chuyển đổi số, đơn giản hóa thủ tục hành chính: được chấm điểm tối đa là 05 điểm; Dưới 100% thì tính điểm theo tỷ lệ: (Tỷ lệ hoàn thành x 5 điểm)/100%	5	
5.2	Có sáng kiến cải cách hành chính mang lại hiệu quả được cấp có thẩm quyền công nhận (mỗi sáng kiến cấp cơ sở được tính 0,5 điểm; mỗi sáng kiến cấp tỉnh trở lên được tính 1 điểm). Tổng điểm trong mục này tối đa được 03 điểm.	3	
6	Kết quả thực hiện chính sách, chương trình khoa học - công nghệ, đổi mới sáng tạo tác động rõ rệt đến hiệu quả hoạt động của cơ quan, tổ chức, đơn vị. (tối đa 06 điểm)	6	
6.1	100% các chính sách, chương trình về khoa học - công nghệ và đổi mới sáng tạo theo quy định của Trung ương và của tỉnh được triển khai kịp thời, chấm tối đa 04 điểm; dưới 100% thì tính điểm theo tỷ lệ: (tỷ lệ triển khai x 4 điểm)/100%	4	
6.2	Có sáng kiến về khoa học công nghệ hoặc đề tài về khoa học công nghệ có tác động hiệu quả đến hoạt động của cơ quan, đơn vị được cấp có thẩm quyền công nhận (01 sáng kiến hoặc đề tài khoa học cấp tỉnh trở lên được cấp có thẩm quyền công nhận và áp dụng hiệu quả được tính 01 điểm; mỗi sáng kiến cấp cơ sở hoặc đề tài khoa học được cấp có thẩm quyền công nhận và áp dụng hiệu quả được tính 0,5 điểm). Tổng điểm tối đa quy định tại điểm này là 02 điểm.	2	
7	Kết quả giải quyết hồ sơ, thủ tục hành chính; tỷ lệ xử lý hồ sơ trực tuyến (nếu có). (tối đa 06 điểm)	6	
7.1	Tỷ lệ hồ sơ, thủ tục giải quyết đúng thời hạn, trước hạn và đúng quy định đạt 100% thì được chấm tối đa 5 điểm; Nếu hồ sơ, thủ tục giải quyết quá hạn và không đúng quy định dưới 5% thì trừ 0,5 điểm; cứ mỗi 5% tăng thêm tiếp theo thì trừ 0,3 điểm. Trường hợp hồ sơ quá hạn mà không thực hiện xin lỗi người dân, doanh nghiệp, thì mỗi hồ sơ trừ 0,5 điểm.	5	
7.2	Tỷ lệ hồ sơ trực tuyến đạt 100%: được chấm điểm tối đa 1 điểm; dưới 100% thì tính điểm theo tỷ lệ (tỷ lệ đạt x 1 điểm)/100%	1	
8	Kết quả giải quyết đơn thư, khiếu nại, tố cáo, phản ánh, kiến nghị của người dân, doanh nghiệp (nếu có). (tối đa 06 điểm)	6	
8.1	100% đơn thư, khiếu nại, tố cáo, phản ánh, kiến nghị của người dân, doanh nghiệp được tiếp nhận, xử lý hoặc hướng dẫn giải quyết đúng quy trình, thẩm quyền, đúng hạn; thực hiện đầy đủ lịch tiếp công dân theo quy định: được chấm điểm tối đa 6 điểm; đạt dưới 100% thì tính điểm theo tỷ lệ: (tỷ lệ giải quyết x 6 điểm)/100%. Nếu có Đơn thư không được giải quyết đúng thẩm quyền, trình tự, thời hạn, không thực hiện đầy đủ lịch tiếp công dân theo quy định: trừ tối đa 02 điểm, cách tính như sau: ((số đơn thư + số lần không thực hiện tiếp công dân theo quy định) x 2 điểm))/((tổng số đơn thư + số lần tiếp công dân theo quy định)	6	